

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG THẮNG ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG THẮNG ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400860123

**3. Ngày thành lập:** 21/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Thạch Xá, Xã Yên Lư, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0946187536

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công cơ khí, gia công cửa nhôm , kính, Inox cửa nhựa lõi thép                                             | 2592     |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663     |
| 3.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752     |
| 4.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 5.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931     |
| 6.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932     |
| 7.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                  | 7710     |
| 8.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690     |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                     | 4662     |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659     |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933     |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229     |
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610     |
| 15. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                | 5621     |
| 16. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629     |
| 17. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630     |
| 18. | Xây dựng nhà ở                                                                                                                                                          | 4101     |

|     |                                                                       |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102(Chính) |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt                                         | 4211        |
| 21. | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212        |
| 22. | Xây dựng công trình điện                                              | 4221        |
| 23. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222        |
| 24. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223        |
| 25. | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229        |
| 26. | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291        |
| 27. | Xây dựng công trình khai khoáng                                       | 4292        |
| 28. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                 | 4293        |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299        |
| 30. | Phá dỡ                                                                | 4311        |
| 31. | Chuẩn bị mặt bằng                                                     | 4312        |
| 32. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321        |
| 33. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322        |
| 34. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329        |
| 35. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330        |
| 36. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                       | 0810        |
| 37. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao     | 2395        |

**6. Vốn điều lệ:** 12.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN VĂN THẮNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/06/1982 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125881384

Ngày cấp: 19/04/2016 Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/06/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125881384

Ngày cấp: 19/04/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang